

Bản án số: 159/2025/DS-ST
Ngày 20-6-2025
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Hồ Thanh Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:**

1. Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Hồng D, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị B (chết ngày 28/5/2025)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B:

+ Ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp ĐTA, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

- + Ông Trịnh Thành T, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - + Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - + Ông Trịnh Hoàng N, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - + Bà Trịnh Thị Y; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - + Bà Trịnh Bích T; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 2. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp ĐTA, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 3. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 4. Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 5. Ông Trịnh Thành T, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 6. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 7. Ông Trịnh Hoàng N, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 8. Bà Trịnh Thị Y; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
 - 9. Bà Trịnh Bích T; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau.
- Tại phiên Tòa, ông Q có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trịnh Văn Q trình bày: Khi ông Trịnh Văn T còn sống, ông T có tham gia 02 dây hụi do ông L, bà D làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 25/3/2013 âm lịch, loại hụi 2.000.000đ, gồm 43 chung, ông T tham gia 01 chung, đóng được 36 kỳ thì đình hụi. Khi đình hụi, hai bên thống nhất bị đơn còn nợ 70.800.000.000đ.

Dây hụi thứ hai mở ngày 30/8/2014 âm lịch, loại hụi 2.000.000đ, gồm 35 chung, ông T tham gia 01 chung, đóng được 20 kỳ thì đình hụi. Khi đình hụi, hai bên thống nhất bị đơn còn nợ 38.800.000.000đ.

Tổng số tiền nợ của 02 dây là 109.600.000đ, sau đó bị đơn đã trả được 22.000.000đ, còn nợ lại 87.600.000đ.

Đến ngày 24/10/2023 ông T chết, ông T có vợ là bà Phạm Thị B (chết ngày 28/5/2025) và các con gồm có: Ông Trịnh Văn Q, ông Trịnh Hoàng N, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Thành T, bà Trịnh Thị P, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị Y, bà Trịnh Bích T và bà Trịnh Thị H.

Đối với ông Trần Hoàng L, bà Nguyễn Hồng D, ông Trịnh Hoàng N, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Thành T, bà Trịnh Thị P, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị Y và bà Trịnh Bích T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo

thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hoàng L, bà Nguyễn Hồng D, ông Trịnh Hoàng N, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Thành T, bà Trịnh Thị P, ông Trịnh Văn T, và bà Trịnh Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Trịnh Thị Y và bà Trịnh Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo các danh sách hội viên ngày 25/3/2013, ngày 30/8/2014, Biên nhận ngày 09/4/2025 và lời trình bày của ông Q, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ông T có tham gia hai chung hội trong hai dây hội mở ngày 25/3/2013 và ngày 30/8/2014 do ông L, bà D làm chủ. Sau khi ông L, bà D tuyên bố đình hội, hai bên thống nhất ông L, bà D còn nợ ông T 109.600.000đ. Sau đó, ông L, bà D đã trả được 22.000.000đ, còn nợ lại 87.600.000đ. Theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản, hàng thừa kế của ông T thống nhất giao cho ông Q được hưởng số tiền ông L, bà D nợ 87.600.000đ.

Đối với ông L, bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông L, bà D trả cho ông Q số tiền 87.600.000đ.

[6] Về án phí dân sự: Ông Q không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.190.000đ được nhận lại. Ông L, bà D phải chịu $87.600.000đ \times 5\% = 4.380.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 271 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Q.

Buộc ông Trần Hoàng L, bà Nguyễn Hồng D trả cho ông Trịnh Văn Q số tiền 87.600.000đ (tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn Q không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.190.000đ (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001115 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Trần Hoàng L, bà Nguyễn Hồng D phải chịu 4.380.000đ (bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

